

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 383/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024
nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn
ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số
47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc
phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân
sách địa phương); Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024
nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua
phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương;

Xét Tờ trình số 1452/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân
sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 482/BC-BKTNS ngày 26 tháng 6 năm
2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa
phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08
tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư

công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm vốn nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 189.749,408 triệu đồng, cụ thể:

(1) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Giảm 21.239 triệu đồng.

(2) Bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới: Giảm 248,408 triệu đồng.

(3) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm 18.708 triệu đồng.

(4) Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023: Giảm 13.710 triệu đồng.

(5) Xử lý hạt thu các dự án năm 2019 - 2020: Giảm 43.878 triệu đồng.

(6) Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai: Giảm 35.000 triệu đồng.

(7) Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 9.044 triệu đồng (giảm từ 10.000 triệu đồng xuống còn 956 triệu đồng).

(8) Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biển Hồ), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 41.522 triệu đồng.

(9) Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dok, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai: Giảm 6.400 triệu đồng.

2. Bổ sung vốn từ nguồn kinh phí tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 là: 76.296 triệu đồng để bố trí cho các Chương trình, dự án sau:

(1) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: 18.708 triệu đồng.

(2) Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023: 13.710 triệu đồng.

(3) Xử lý các dự án hạt thu năm 2019 - 2020: 43.878 triệu đồng.

3. Bổ sung vốn từ nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh cho 01 dự án và Bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020 với số vốn: 31.487,408 triệu đồng để bố trí cho các dự án, gồm:

(1) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025: Tăng 21.239 triệu đồng.

(2) Bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 248,408 triệu đồng.

(3) Chi bổ sung vốn ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Gia Lai: 10.000 triệu đồng.

4. Điều chỉnh 1.433 triệu đồng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi - số vốn kéo dài năm 2022, 2023 sang năm 2024, gồm ngân sách Trung ương: 1.135 triệu đồng, ngân sách tỉnh 298 triệu đồng, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm vốn:

(1) Thị xã Ayun Pa điều chỉnh giảm: 450 triệu đồng, trong đó điều chỉnh giảm ngân sách Trung ương 450 triệu đồng.

(2) Thành phố Pleiku điều chỉnh giảm 983 triệu đồng trong đó điều chỉnh giảm ngân sách Trung ương 685 triệu đồng, ngân sách tỉnh 298 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng vốn: Tăng vốn cho huyện Ia Grai: 1.433 triệu đồng (trong đó: Số vốn kéo dài năm 2022, 2023 sang năm 2024 là 1.433 triệu đồng (gồm ngân sách Trung ương: 1.135 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 298 triệu đồng)).

(Kèm theo biểu số 1 và phụ lục 1, 2, 3, 3.1, 4).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

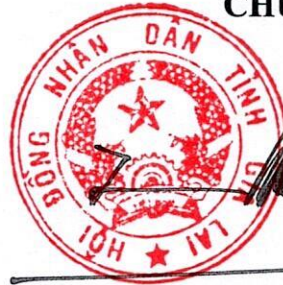
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên





Biểu 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Điểm xây dựng	Quyết định đầu tư	Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Trong đó: NSDP	Tổng số	
A	Bổ sung nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh						31.487,408	31.487,408	31.487,408	
I	Quốc phòng						21.239	21.239	21.239	
I	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	21.239	21.239	21.239	
II	Bổ trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020						248,408	248,408	248,408	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						248,408	248,408	248,408	Có phụ lục 3 kèm theo
III	Cấp vốn điều lệ cho các ngân sách chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã						10.000	10.000	10.000	
I	Chi cho ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Gia Lai		2021-2025				10.000	10.000	10.000	
B	Bổ sung nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023						76.296	76.296	76.296	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						18.708	18.708	18.708	
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia						18.708	18.708	18.708	Có phụ lục 1 kèm theo
II	Xử lý hạt thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020						57.588	57.588	57.588	

24

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư									13.710	13.710	13.710	Có phụ lục 2 kèm theo
2	Các dự án huy động thu năm 2019 - 2020									43.878	43.878	43.878	Có phụ lục 3 kèm theo
C	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư						271.314	271.314	189.749,408	-	81.564,621	81.564,621	
I	Quốc phòng						21.239	21.239	21.239				
I	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Chư Prông, Đưc Cơ, Ia Grai	2022-2025	413/QĐ-QK ngày 21/3/2022	51.650	51.650	21.239	21.239	21.239		-	-	
II	Hoạt động kinh tế						111.630	111.630	110.674	-	956	956	
II.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						18.708	18.708	18.708				
I	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia						18.708	18.708	18.708		-	-	Có phụ lục 1 kèm theo
II.2	Giao thông						92.922	92.922	91.966	-	956	956	
1	Đường giao thông huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	2021-2024	489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021	90.000	90.000	35.000	35.000	35.000		-	-	
2	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	2021-2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	10.000	10.000	9.044		956	956	Điều chỉnh giảm vốn tương ứng với số vốn tăng từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí (tại Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10/7/2024)
3	Đường Lê Đại Hành (đoạn từ đường Vạn Kiếp - Ngã tư Biên Hòa), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2021-2024	486/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 1062/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	124.000	124.000	41.522	41.522	41.522		-	-	
4	Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dơk, huyện Đưc Cơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đưc Cơ	2021-2024	470/QĐ-UBND ngày 28/5/2021; 588/QĐ-UBND ngày 05/11/2022; 1041/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	59.000	59.000	6.400	6.400	6.400		-	-	

78

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
III	Xử lý bụi thu vốn chuẩn bị đầu tư năm 2023 và các dự án năm 2019 - 2020						138.445,029	138.445,029	57.836,408		80.608,621	80.608,621	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư						13.710	13.710	13.710		-	-	Có phụ lục 2 kèm theo
2	Các dự án bụi thu năm 2019 - 2020						124.735,029	124.735,029	44.126,408		80.608,621	80.608,621	Điều chỉnh giảm vốn tương ứng với số vốn bỏ sung từ nguồn tăng thu 43.878 triệu đồng và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh là 248,408 triệu đồng. Có phụ lục 3 kèm theo
D	Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu 2024 (Bao gồm nguồn 2022, 2023 chuyển sang 2024)								1.433	1.433			
1.	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kết-xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024								1.433	1.433			Có phụ lục 4 chi tiết kèm theo

28



Phụ lục 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGUỒN VỐN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, GIẢM VỐN NĂM 2023 VÀ BỔ TRÍ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐTV: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn, đơn vị	Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	18.708	18.708	18.708	
	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18.708	18.708	18.708	
1	Huyện Ia Grai	415	415	415	
2	Huyện Phú Thiện	1.274	1.274	1.274	
3	Huyện Kbang	1.590	1.590	1.590	
4	Huyện Ia Pa	1.431	1.431	1.431	
5	Huyện Kông Chro	522	522	522	
6	Huyện Krông Pa	915	915	915	
7	Huyện Chư Prông	3.523	3.523	3.523	
8	Huyện Chư Păh	1.114	1.114	1.114	
9	Huyện Chư Sê	1.054	1.054	1.054	
10	Huyện Chư Puh	1.010	1.010	1.010	
11	Huyện Đak Đoa	1.470	1.470	1.470	
12	Huyện Đức Cơ	1.187	1.187	1.187	
13	Huyện Đak Pơ	1.031	1.031	1.031	
14	Huyện Mang Yang	1.718	1.718	1.718	
15	Thành phố Pleiku	20	20	20	
16	Thị xã An Khê	-	-	-	
17	Thị xã Ayun Pa	434	434	434	

Handwritten signature



Phụ lục 2

BỘ TRƯỞNG TÀNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023 ĐỂ XỬ LÝ HỤT THU VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HỤT THU, BỔ TRÍ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM										
STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công-Hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
	Tiền sử dụng đất				1.244.000	1.236.000	13.710	13.710	13.710	
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650	1.530	1.530	1.530	
2	Xây dựng bệnh viện 331	Pleiku	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840	1.840	1.840	
3	Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	197/QĐ-SKHDT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120	120	120	
7										

[Handwritten signature]

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công- Hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Giám kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Bổ sung vốn tăng thụ ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	2023-2025	835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570	570	570	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2026	2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	1.140	1.140	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	2024-2026	37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940	940	940	
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	2024-2026	287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530	530	530	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	2024-2026	1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	800	800	7N

Handwritten signature

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công- Hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tính đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tính đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
9	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510	510	510	
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	1.580	1.580	
11	Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	2024-2026	1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710	1.710	1.710	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	580	580	
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570	570	570	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	2025-2026	1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360	360	360	

Handwritten signature/initials

STT	Nguồn vốn	Địa điểm xây dựng	Thời gian Khởi công- Hoàn thành	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch năm 2024 tiền sử dụng đất tính đầu tư	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 Tiền sử dụng đất tính đầu tư	Bổ sung vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	2025-2026	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390	390	390	
16	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	2025-2026	56/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	230	230	230	
17	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2025	324/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	310	310	310	



Phụ lục 3

BỔ SUNG NGUỒN KINH PHÍ TIẾT KIỆM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ NGUỒN TĂNG THU

(Kèm theo Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời gian khởi công- Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó	Nguồn kinh phí phi tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	
				Tổng số	Trong đó: NSDP							
	Bổ trí từ nguồn thu sử dụng đất năm 2024					124.735,029	44.126,408	80.608,621	44.126,408	248,408	43.878,000	Điều chỉnh giảm vốn tiền sử dụng đất bổ sung vốn tương ứng với số vốn bổ sung từ nguồn tăng thu 43.878 triệu đồng và nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh là 248,408 triệu đồng.
I	Năm 2019					96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721	Có phụ lục 3.1 kèm theo
II	Năm 2020					28.285,279	28.285,279	-	28.285,279		28.285,279	

28

STT	Nguồn vốn	Thời gian khởi công, Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch năm 2024 tiền sử dụng đất tính đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm 2024 tiền sử dụng đất tính đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 còn lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số				Trong đó			
				Tổng số	Trong đó: NSDP					Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023		
1	Kê chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009	64.988	235.292	235.292	-	235.292	235.292			
2	Đường vào ba buôn xã Chư Đăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,560	4.687,560	-	4.687,560	4.687,560			
3	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,380	1.474,380	-	1.474,380	1.474,380			
4	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Đức Cơ (nay là trường THCS Dân tộc nội trú huyện Đức Cơ), thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,670	4.303,670	-	4.303,670	4.303,670			
5	Nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812,331	2.812,331	-	2.812,331	2.812,331			
6	Trường trung học cơ sở Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000,000	3.000,000	-	3.000,000	3.000,000			
7	Trường trung học phổ thông Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHĐT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584,646	2.584,646	-	2.584,646	2.584,646			

7/8

STT	Nguồn vốn	Thời gian khởi công- Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án				Kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư tại Nghị quyết số 308/NQ-HBND ngày 08/12/2023	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Số kế hoạch vốn năm 2024 tiền sử dụng đất năm 2024 của lại sau điều chỉnh	Bổ sung vốn			Chí chủ
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số				Trong đó			
				Tổng số	Trong đó: NSDP					Nguyên kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguyên tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023		
8	Trường trung học cơ sở Phan Bội Châu, xã Uat, huyện Krông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500,000	1.500,000	-	1.500,000		1.500,000		
9	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đak Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400,000	400,000	-	400,000		400,000		
10	Trường trung học cơ sở Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đak Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350,000	350,000	-	350,000		350,000		
11	Trường trung học cơ sở Quang Trung, xã Ayun Hă, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937,400	937,400	-	937,400		937,400		
12	Trường trung học cơ sở Kpa Klong xã Hà Bău, huyện Đak Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHDT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300,000	4.300,000	-	4.300,000		4.300,000		
13	Trường trung học cơ sở Kông Bô Lă, xã Kông Bô Lă, huyện Kbang	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700,000	1.700,000	-	1.700,000		1.700,000		

24



Phụ lục 3.1

**BỔ SUNG VỐN ĐỀ THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 (tại Nghị quyết số 308/NQ- HĐND ngày 08/12/2023)	Giảm kế hoạch năm vốn 2024 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư	Tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư còn lại	Bổ sung vốn			Ghi chú
					Tổng số	Nguồn kinh phí tiết kiệm trong quá trình thực hiện dự toán chi thường xuyên năm 2023 thuộc ngân sách tỉnh	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	
(1)	(2)	(3)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	96.449,750	15.841,129	80.608,621	15.841,129	248,408	15.592,721	
1	Thị xã Ayun Pa	6.429,000	1.287,764	5.141,236	1.287,764	248,408	1.039,356	
2	Huyện Chư Păh	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
3	Huyện Phú Thiện	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
4	Huyện Ia Pa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
5	Huyện Đak Pơ	9.643,000	1.558,953	8.084,047	1.558,953		1.558,953	
6	Huyện Mang Yang	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
7	Huyện Đak Đoa	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
8	Huyện Đức Cơ	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
9	Huyện Kông Chro	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
10	Huyện Chư Pưh	6.429,000	1.039,356	5.389,644	1.039,356		1.039,356	
11	Huyện Chư Sê	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
12	Huyện Ia Grai	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
13	Huyện Chư Prông	3.214,000	519,597	2.694,403	519,597		519,597	
14	Huyện Kbang	32.163,750	5.199,809	26.963,941	5.199,809		5.199,809	

(Handwritten signature)





Phụ lục 4
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 383/NG-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Kế hoạch vốn năm 2024													Điều chỉnh Tăng/giảm										Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh										Lý do điều chỉnh
STT	Tổng số vốn (bao gồm cả vốn kế hoạch năm 2022, 2023 kéo dài sang 2024)	Trong đó		Trong đó				Trong đó				Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó									
		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó:								
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			
I	Địa phương giảm vốn																																
1	Thị xã Ayun Pa																																
-	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.018,0	450,0	568,0	568	568	450	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Không còn đối tượng thực hiện						
2	TP. Pleiku	-																															
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	1.263,0	965	298	-	-	1.263	965	298	-983	-685	-298	-	-	-	-	-983	-685	-298	280	280	-	-	280	280	-	Không còn đối tượng thực hiện						
II	Địa phương điều chỉnh tăng vốn																																
1	Huyện Ia Grai																																
-	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	-			-	-	-	-	-	1.433	1.135	298	-	-	-	-	1.433	1.135	298	1.433	1.135	298	-	-	1.433	1.135	298	Bổ sung vốn thực hiện công trình					

Ghi chú: Số vốn kéo dài từ năm 2022, 2023 sang 2024 được trình khai theo Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/1/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

[Handwritten signature]

